

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

Học sinh tham khảo Sách giáo khoa ĐỊA LÝ 7 từ trang 3 đến trang 18.

PHẦN MỘT: CÁC THÀNH PHẦN NHÂN VĂN CỦA MÔI TRƯỜNG

BÀI 1: DÂN SỐ

Khởi động: Với diện tích phần đất liền trên bề mặt Trái đất là 149 triệu km². Liệu Trái đất của chúng ta có còn được bình yên khi đứng trước sự tăng nhanh vượt bậc của dân số thế giới? Câu trả lời sẽ có trong bài học ngày hôm nay.

Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân số và nguồn lao động.

Nội dung nghiên cứu:

- Học sinh phân tích tháp tuổi và đọc nội dung Sgk để tìm hiểu đặc điểm của dân số và nguồn lao động.

❖ **Nội dung chính :**

1. Dân số, nguồn lao động

- Dân số là tổng số dân sinh sống ở 1 địa điểm hoặc 1 vùng, 1 lãnh thổ, 1 quốc gia trong 1 thời gian cụ thể.
- Điều tra DS cho biết tình hình DS, nguồn lao động của một địa phương, một quốc gia...
- Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của DS qua giới tính, độ tuổi, nguồn lao động hiện tại và tương lai của một địa phương hay 1 quốc gia.

Hoạt động nghiên cứu.

Tình huống:

- Chú bảo vệ nói dân số đạt 7,7 tỷ người.
- Cháu bé thì nói khoảng 7 tỷ người.

Tại sao lại có sự khác nhau đó?

- + Gia đình em có mấy người?
- + Ông bà bố mẹ làm nghề gì?
- + Gia đình em có mấy anh chị em?
- + Các anh chị em sinh ngày tháng năm bao nhiêu? Nam hay Nữ? Đang học lớp mấy? đã ngừng nào đi làm chưa? Làm nghề gì?
- + Em đã từng thấy ai đến nhà mình và hỏi bố mẹ những câu hỏi trên chưa? Họ là ai?

Tìm hiểu về tháp tuổi

- **Bước 1:** Dẫn dắt vào câu hỏi

Dân số thường được biểu hiện cụ thể bằng 1 tháp tuổi (Tháp dân số). Vậy tháp tuổi có hình dạng như thế nào? Dựa vào tháp tuổi ta biết được những thông tin gì về dân số?

- **Bước 2:** Giới thiệu tháp tuổi

- Tháp tuổi được cấu tạo bởi 2 trục đứng

- Giữa 2 trục dọc thể hiện nấc của từng nhóm độ tuổi

- Người ta gộp các nhóm nấc tuổi thành 3 nhóm

+ Nhóm dưới độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu xanh lá cây): Từ 0-14 tuổi

+ Nhóm trong độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu xanh nước biển): Từ 15-59 tuổi

+ Nhóm trong độ tuổi lao động (được thể hiện bằng màu da cam): Từ 60 trở lên

- Mỗi nhóm tuổi có 2 trục ngang được thể hiện bằng đơn vị triệu người

- Bên trái thể hiện số Nam. Bên phải thể hiện số Nữ

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự gia tăng dân số thế giới

Nội dung:

- HS đọc nội dung SGK để trả lời các câu hỏi.

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỷ XIX và thế kỷ XX:

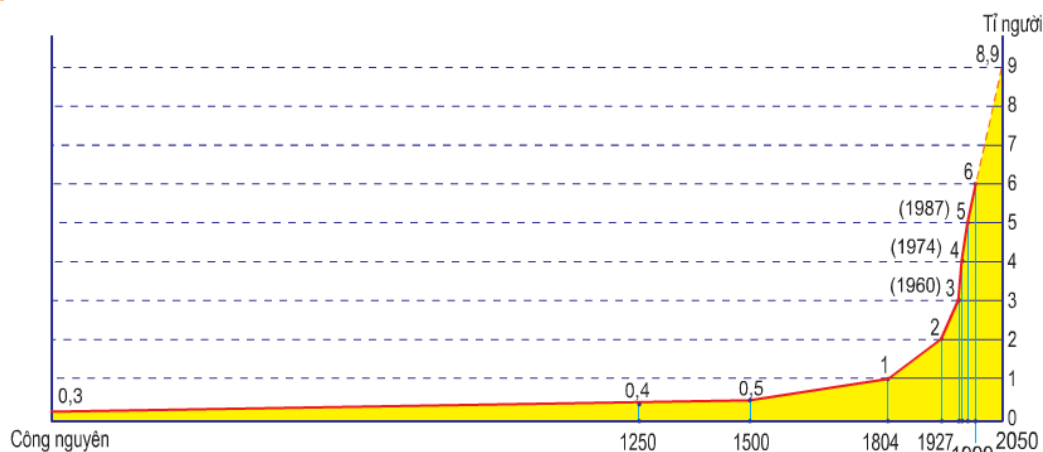
Nội dung chính :

- Nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực KT-XH, y tế nên DS thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ gần đây.

Hoạt động nghiên cứu

❖ **Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu các khái niệm liên quan đến gia tăng dân số

Quan sát hình 1.2, nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX?



Từ đầu Công nguyên chỉ có 0,3 tỉ người, tăng hết sức chậm chạp. Hơn 1000 năm sau mới tăng lên đến 0,4 tỉ người (Tăng 0,1 tỉ người trong hơn 1000 năm). Nhưng sang đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX dân số thế giới tăng nhanh vượt bậc (ước tính mỗi năm tăng gần 30,8 triệu người)

❖ **Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu nguyên nhân của sự gia tăng dân số thế giới

Bước 1: Nhiệm vụ

- Nội dung nghiên cứu : *Tìm các nguyên nhân khiến dân số thế tăng chậm trong nhiều thế kỉ trước thế kỉ XIX và những nguyên nhân khiến dân số thế giới tăng nhanh từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX*

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự bùng nổ dân số

Nội dung:

- Học sinh dựa vào kiến thức đã học, những hiểu biết của mình để đề ra các giải pháp về bùng nổ dân số.

❖ **Nội dung chính:**

3. Bùng nổ dân số

- Bùng nổ DS là sự gia tăng DS tự nhiên nhanh và đột ngột.

- Bùng nổ DS xảy ra khi tỉ lệ gia tăng bình quân của DS thế giới lên đến 2,1%.

- Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng DS tự nhiên cao.

- Bằng các chính sách DS và phát triển KT-XH, nhiều nước đã hạ thấp được tỉ lệ gia tăng DS hợp lí.

Hoạt động nghiên cứu

❖ **Nhiệm vụ:** Tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp nhằm hạn chế bùng nổ dân số

Bước 1: Đọc thông tin SGK, kết hợp hiểu biết của bản thân.

- Bùng nổ dân số xảy ra khi nào?
- Hậu quả của bùng nổ dân số?
- Đề xuất giải pháp nhằm hạn chế bùng nổ dân số?

HOẠT ĐỘNG: LUYỆN TẬP

Câu 1: Khoảng thời gian nào dân số TG tăng gấp đôi DSTG đầu công nguyên?

- A. Thế kỉ X
- B. Thế kỉ XIV
- C. Thế kỉ XVI
- D. Thế kỉ XVII

Câu 2: Hiện nay dân số thế giới có xu hướng như thế nào?

- A. Tăng nhanh
- B. Tăng dần
- C. Giảm dần
- D. Không tăng

Câu 3: Em có suy nghĩ gì khi xem 2 bức hình sau



- Giả định em là 1 công dân của Ai Cập. Em hãy viết thư gửi đến chính phủ Ai Cập với tiêu đề “ Ước mơ chấp cánh” thể hiện mong muốn giảm thiểu mức sinh vì 1 thế hệ tươi sáng hơn. Suu tầm những câu ca dao tục ngữ nói về dân số.
- Vẽ tranh cổ động hưởng ứng ngày Dân số thế giới. Suu tầm những câu ca dao tục ngữ nói về dân số.

CÂU HỎI CỦA HỌC SINH

BÀI 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ. CÁC CHŨNG TỘC TRÊN THẾ GIỚI.

- Các em hãy nhớ và hát lại bài hát: “ Trái đất này là của chúng mình”
- Những màu sắc được nhắc đến trong bài hát là những màu gì? Ý nghĩa của đoạn bài hát em vừa nghe?

1. Sự phân bố dân cư

❖ **Nội dung chính**

- Dân cư trên thế giới phân bố không đồng đều.
- + Tập trung đông ở những đồng bằng, những đô thị, những nơi có khí hậu tốt...
- + Dân cư thưa thớt: vùng núi, vùng sâu, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc...

Hoạt động nghiên cứu:

Học sinh đọc sách giáo khoa và trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa trang 7.

Yêu cầu quan sát hình 2.1 Lược đồ phân bố dân cư trên thế giới.

- HS kể tên các khu vực đông dân trên thế giới?
- Hai khu vực đông dân nhất trên thế giới?
- Nhận xét về sự phân bố dân cư trên thế giới?
- Theo em, căn cứ vào yếu tố nào người ta biết được nơi nào thưa dân, nơi nào đông dân?
- Tính mật độ dân số biết:
 - + Dân số thế giới năm 2020 khoảng 7,5 tỉ người
 - + Diện tích đất liền TG khoảng 149 triệu km²
 - + Khu vực tập trung đông dân: Đông Bắc Hoa Kỳ, Đông Nam Bra-xin,... (Lược đồ hình 2.1/sgk 7)
 - + Dân số Trung Quốc: 1,44 tỷ; Dân số Ấn Độ: 1,38 tỷ
 - + Dân cư trên thế giới phân bố không đều.
 - + Căn cứ vào MĐDS
$$MĐDS = \frac{\text{Dân số}}{\text{Diện tích}} \text{ (người/km}^2\text{)} \text{ (50,33 ng/km}^2\text{)}$$
 - + Đông dân nơi có khí hậu thuận lợi, kinh tế phát triển.
 - + Thưa dân ở vùng núi vùng sâu vùng xa, hoang mạc,....

2. Các chủng tộc trên thế giới

Nội dung chính:

- Dân cư thế giới thuộc 3 chủng tộc chính:

- + Môngôlôit: người da vàng, sống chủ yếu ở Châu Á.
 - + Ôrôpêôit: người da trắng, sống chủ yếu ở Châu Âu và Châu Mỹ.
 - + Nêgrôit: người da đen, sống chủ yếu ở Châu Phi.
- Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, các chủng tộc đã dần dần chung sống khắp mọi nơi trên Trái đất

Hoạt động nghiên cứu:

- + Bằng hiểu biết của mình em hãy tìm hiểu trên thế giới này có mấy chủng tộc?
- + Căn cứ vào đâu, người ta chia thành 3 chủng tộc lớn trên thế giới?
- + Trình bày về đặc điểm của ba chủng tộc lớn trên thế giới?
- + Theo em Việt Nam thuộc chủng tộc nào?
- + Có bao giờ em đi ngoài đường và bắt gặp thấy người da trắng và người da đen sinh sống và làm việc ở Việt Nam chưa? Điều đó nói lên điều gì?

Hoạt động: Luyện tập

Giao nhiệm vụ

- Em biết gì về ảnh hưởng của Nelson Mandela trong việc chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apartheid trên thế giới? Hiện nay, tình trạng kì thị, phân biệt chủng tộc còn hay hết? Em sẽ làm gì để góp phần giảm thiểu vấn đề này?

- Học sinh viết được một bức thư về chủ đề trên nộp thầy Nhựt.

BÀI 3: QUẦN CƯ. ĐÔ THỊ HÓA

Hoạt động 1: Tìm hiểu quần cư nông thôn và quần cư đô thị

❖ *Nội dung chính*

1. Quần cư nông thôn và quần cư đô thị:

- Có hai kiểu quần cư chính là quần cư nông thôn và đô thị.

Kiểu quần cư Đặc điểm	Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
Cách tổ chức sinh sống	Làng mạc, thôn xóm, bản	Phố, phường, quận
Hoạt động kinh tế chủ yếu	SX nông- lâm- ngư nghiệp	SX công nghiệp và dịch vụ
Cảnh quan nhà cửa	Phân tán, gắn với đất canh tác, rừng	Tập trung san sát

Hoạt động nghiên cứu:

- So sánh, giải thích sự khác nhau giữa khái niệm “quần cư” và khái niệm “dân cư”

+ Quần cư nông thôn.

+ Quần cư đô thị.

- Yêu cầu HS quan sát H3.1, H3.2 SGK.

- Sự khác nhau giữa 2 kiểu quần cư?

- Yêu cầu học sinh tìm hiểu: *hoạt động kinh tế chủ yếu, cách tổ chức sống, cảnh quan nhà cửa,...*

Hoạt động 2: Tìm hiểu đô thị hóa. Các siêu đô thị

❖ *Nội dung chính*

2. Đô thị hóa, siêu đô thị

- Đô thị xuất rất sớm và phát triển mạnh nhất ở thế kỷ XIX là lúc công nghiệp phát triển

- Các siêu đô thị ngày càng phát triển ở các nước đang phát triển ở Châu á và Nam Mỹ

- Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, hiện nay tỉ lệ dân thành thị chiếm 54% dân số thế giới

- Đô thị hóa có nhiều tích cực (phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống...) nhưng cũng có nhiều hậu quả (ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên...)

Hoạt động nghiên cứu:

Bước 1: Quan sát 2 bức tranh về sự thay đổi của 1 vùng đất và phát biểu khái niệm Đô thị hóa.

<p>Phú Mỹ Hưng – TP.HCM năm 1996</p>	<p>Phú Mỹ Hưng – TP.HCM năm 2018</p>

Bước 2: Trả lời các câu hỏi:

- + Số lượng các đô thị thay đổi ra sao?
- + Tại sao ngày càng có nhiều đô thị hình thành và tỉ lệ dân thành thị tăng cao

Bước 4: Hoạt động “Tôi tài năng”

Đô thị hóa có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực như thế nào?

Bước 5:

- + Giáo viên cung cấp thêm thông tin cho học sinh:

<p>Ấn Độ</p>		<p>Hong Kong</p>

Hoạt động: Luyện tập

Câu 1: “Giải pháp nào để phát triển đô thị Xanh – sạch – đẹp” hiệu quả

HS suy nghĩ ghi thông tin ra giấy note chụp hình nộp thầy Nhựt

Câu 2 Vận dụng: Hướng dẫn học sinh viết báo cáo, thu thập tư liệu

- + Mẫu báo cáo: Những biểu hiện của đô thị hóa tại địa phương; Những tác động của đô thị hóa; Những giải pháp địa phương đang thực hiện; Những đề xuất của em/
- + Tư liệu: Hình ảnh chụp, thông tin từ website của tỉnh, google, youtube,....

BÀI 5: ĐỐI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

Hoạt động 1: Tìm hiểu Đối Nóng

❖ *Nội dung chính*

I. Đối nóng

- Nằm giữa 2 chí tuyến liên tục từ tây sang đông .
- Đặc điểm : Nhiệt độ cao quanh năm , có gió Tín Phong, giới động, thực vật đa dạng, nơi đông dân
- Phiếu học tập.

Tiêu chí	Thông tin
Vị trí	Chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam
Nhiệt độ	Cao, trên 20 độ
Gió	Tín phong
Diện tích	Lớn
Sinh vật	Đa dạng
Dân số	Đông
Quốc gia tiêu biểu	Việt Nam, Ấn Độ...
Các môi trường	Nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa, hoang mạc và xích đạo ẩm

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU:

- + Dựa vào hình 5.1 xác định vị trí của đới nóng (Ranh giới của đới nóng trên thực tế không hoàn toàn trùng khớp với đường chí tuyến (chỉ trên LD)
- + Tại sao đới nóng có tên là “Nội chí tuyến”
- + So sánh diện tích của đới nóng với diện tích đất nổi trên Trái Đất
- + Nêu các đặc điểm khí hậu của đới nóng ? (nhiệt độ, gió chính, lượng mưa, sinh vật). Học Sinh hoàn thành Phiếu Học Tập:

Tiêu chí	Thông tin
Vị trí	
Nhiệt độ	
Gió	
Diện tích	
Sinh vật	
Dân số	
Quốc gia tiêu biểu	
Các môi trường	

- + HS chỉ trên lược đồ thông tin
- + HS so sánh các đới
- + Tại sao chia thành nhiều kiểu môi trường?
- + Nhấn mạnh hình thái lãnh thổ, các yếu tố tự nhiên như địa hình, dòng biển → sự phân hóa.

Hoạt động 2: Tìm hiểu môi trường xích đạo ẩm

❖ Nội dung chính

II. Môi trường xích đạo ẩm.

1. Khí hậu

- Vị trí: Nằm chủ yếu từ 5° B- 5° N

- Khí hậu:
- + nóng và ẩm quanh năm
- + biên độ nhiệt rất nhỏ (khoảng 3°C)
- + mưa quanh năm, TB từ 1500-2500 mm
- + độ ẩm rất cao, TB > 80%

2. Rừng rậm xanh quanh năm.

- Rừng cây phát triển rậm rạp, xanh tốt quanh năm, mọc thành nhiều tầng
- Có nhiều loài cây và có nhiều loài chim thú sinh sống

Hoạt động nghiên cứu

- **Bước 1:** Xác định vị trí của môi trường xích đạo ẩm, quốc gia nào nằm trọn vẹn trong môi trường xích đạo ẩm?
- **Bước 2:** Hoàn thành nội dung như phiếu học tập

Nhận xét diễn biến nhiệt độ trong năm	Nhận xét diễn biến lượng mưa trong năm
1. Nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất. Chênh lệch bao nhiêu? 2. Đường biểu diễn nhiệt độ TB tháng có đặc điểm gì? 3. Nhiệt độ TB năm?	1. Tháng nào không mưa 2. Đặc điểm lượng mưa các tháng 3. Lượng mưa TB năm?
- Kết luận chung về nhiệt độ?	- Kết luận chung về lượng mưa?

- Bước 3:

- + Quan sát H5.4, cho biết rừng có mấy tầng chính, tại sao lại có nhiều tầng?
- Hiện nay, rừng rậm nhiệt đới đang bị suy giảm nhanh. Hãy nghiên cứu các vấn đề sau:
 - + Nguyên nhân của việc suy giảm
 - + Hậu quả
 - + Giải pháp

Hoạt động: Luyện tập

Câu 1: 10 câu hỏi ngắn dạng đúng/sai nói về các nội dung sau:

- Đới nóng nằm giữa hai chí tuyến
- Đới nóng có ở tất cả các châu lục
- Đới nóng là nơi có gió Tín phong
- Môi trường xích đạo ẩm tiêu biểu ở Indonesia
- Môi trường xích đạo ẩm có mưa cao vào mùa hè
- Môi trường xích đạo ẩm có biên độ nhiệt nhỏ
- Môi trường xích đạo ẩm có rừng phát triển, 3 tầng tán
- Môi trường xích đạo ẩm có ở Việt Nam
- Đới nóng có 3 môi trường
- Môi trường xích đạo ẩm nằm từ 10 độ Bắc đến Nam

Câu 2: Vận dụng

- Học sinh vẽ được sơ đồ tư duy về môi trường đới nóng và môi trường xích đạo ẩm.

DẶN DÒ:

- Các em học sinh đọc sách giáo khoa, xem hình ảnh, kênh thông tin trong sách Bài 1,2,3,5
- Tham khảo các bài giảng điện tử trên liên quan trên trang Youtube, Thư viện violet, Google,... Bài 1,2,3,5.

CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
